

Số: /UBND

Đại Lãnh, ngày tháng 5 năm 2023

V/v quy định thời gian báo cáo định kỳ hàng tháng và phân công nhiệm vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo Quy chế đối với bộ phận chủ trì

Kính gửi: Các cán bộ, công chức có liên quan.

Căn cứ Quyết định số 4044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh;

Để kịp thời rà soát, đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của huyện theo bộ tiêu chí ban hành tại Quyết định số 4044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đảm bảo kết quả công tác cải cách hành chính năm 2023 của xã có sự cải thiện rõ rệt về thứ bậc và chỉ số xếp hạng theo chỉ tiêu đã được UBND xã đặt ra ngay từ đầu năm. Căn cứ nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã tại cuộc họp ngày 17/3/2023 và các cuộc họp hàng tháng một cửa, Ủy ban nhân dân xã quy định thời gian báo cáo định kỳ hàng tháng và phân công nhiệm vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo Quy chế đối với các cơ quan chủ trì, cụ thể như sau:

### **1. Công chức Văn phòng – Thống kê:**

Chịu trách nhiệm tham mưu UBND xã theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đối với các nội dung sau:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
- Công tác thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- Việc thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015.
- Công tác cải cách tổ chức bộ máy và cải cách chế độ công vụ.
- Tác động của cải cách hành chính (điều tra xã hội học).
- Tiêu chí điểm thưởng, điểm trừ cải cách hành chính.

### **2. Công chức Tư pháp – Hộ tịch:**

Chịu trách nhiệm tham mưu UBND xã theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đối với công tác cải cách thể chế và theo dõi thi hành pháp luật.

### **3. Cán bộ Văn hóa và Thông tin:**

Chịu trách nhiệm tham mưu UBND xã theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đối với các nội dung sau:

- Việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.
- Công tác hiện đại hóa hành chính; thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến qua mạng Internet và triển khai dịch vụ BCCI.

#### **4. Công chức Tài chính - Kế toán:**

Chịu trách nhiệm tham mưu UBND xã theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đối với công tác cải cách tài chính công.

#### **5. Tổ chức thực hiện:**

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của các cán bộ, công chức chuyên môn và nhiệm vụ được phân công nêu trên. Định kỳ hàng tháng các cán bộ, công chức chuyên môn có trách nhiệm rà soát, đánh giá kết quả thực hiện đối với các tiêu chí thành phần trong bộ tiêu chí đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đối với UBND cấp xã, trong đó từng tiêu chí phải xác định rõ kết quả triển khai thực hiện, mức điểm tối đa đạt được của từng tiêu chí, đối với các tiêu chí tại thời điểm đánh giá hàng tháng chưa hoàn thành hoặc chưa đảm bảo chỉ tiêu, yêu cầu theo Quy chế thì cần đưa ra giải pháp, đề xuất nội dung tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện để đảm bảo kết quả đánh giá cuối năm đạt chỉ số cao nhất theo quy chế.

- Nội dung rà soát đánh giá hàng tháng của các cán bộ, công chức chuyên môn báo cáo về UBND xã (qua Văn phòng HĐND-UBND xã) **trước ngày 20 hàng tháng**. Giao Công chức Văn phòng – Thống kê tổng hợp kết quả báo cáo của các cán bộ, công chức chuyên môn tham mưu UBND xã họp đánh giá, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính **trước ngày 30 của tháng**; đồng thời tổng hợp, tổ chức họp đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng quý. Kịp thời tham mưu UBND xã chỉ đạo, xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức chuyên môn thực hiện không nghiêm túc hoặc báo cáo mang tính chất đối phó đối với các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công chủ trì, làm cơ sở đưa vào đánh giá, xếp loại kết quả hoàn thành nhiệm vụ cuối năm của cá nhân theo quy định.

*(Đính kèm Phụ lục 3 Quy chế đánh giá áp dụng cho UBND cấp xã theo Quyết định số 4044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh)*

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cán bộ, công chức căn cứ nội dung nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên; (VBĐT)
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Lê Ngọc Toàn**

**PHỤ LỤC 3**

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ÁP DỤNG CHO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN  
(Kèm theo Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

**A. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỂM CHUẨN**

STT	NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Nguồn tài liệu chứng minh hoặc giải trình	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VỀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>11</b>			
<b>1</b>	<b>Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)</b>	<b>2</b>			
<b>1.1</b>	<b>Ban hành kế hoạch CCHC</b> - Đạt yêu cầu về thời gian (không quá 30 ngày kể từ ngày kế hoạch của UBND cấp huyện được ban hành) và đảm bảo chất lượng: 1 - Không đạt yêu cầu hoặc cơ quan không ban hành kế hoạch: 0	<b>1</b>			
<b>1.2</b>	<b>Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC</b> - Hoàn thành 100% công việc, nhiệm vụ kế hoạch: 1 - Hoàn thành từ 90% - dưới 100%: 0,5 - Hoàn thành từ 85% - dưới 90%: 0,25 - Hoàn thành dưới 85%: 0 (Cơ quan không ban hành kế hoạch thì nội dung này 0 điểm)	<b>1</b>			
<b>2</b>	<b>Thực hiện tự kiểm tra CCHC tại các bộ phận chuyên môn (công chức) thuộc UBND cấp xã</b>	<b>2</b>			
<b>2.1</b>	<b>Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra (thể hiện qua báo cáo kết quả kiểm tra)</b> - Hoàn thành kế hoạch kiểm tra: 1 - Không hoàn thành hoặc không ban hành kế hoạch: 0	<b>1</b>			
<b>2.2</b>	<b>Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bao gồm vấn đề được phát hiện qua kiểm tra CCHC của cơ quan cấp trên)</b> - Tất cả vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được chỉ đạo xử lý: 1 - Vẫn còn vấn đề chưa được chỉ đạo xử lý: 0	<b>1</b>			
<b>3</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ được giao tại kế hoạch tuyên truyền CCHC của UBND huyện</b> - Thực hiện 100% theo kế hoạch: 1 - Thực hiện từ 85% - dưới 100% theo kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% thực hiện} \times 0,5}{85\%} \right]$ - Thực hiện dưới 85% kế hoạch hoặc cơ quan không ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC: 0	<b>1</b>			
<b>4</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>1</b>			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung và đúng thời gian theo quy định: 1</li> <li>- Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</li> </ul>				
<b>5</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ, công việc được UBND cấp huyện giao trong năm</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ, công việc được giao: 3</li> <li>- Đạt từ 97,5% - dưới 100%: 2,4</li> <li>- Đạt từ 95% - dưới 97,5%: 1,8</li> <li>- Đạt từ 92,5% - dưới 95%: 1,2</li> <li>- Đạt từ 90% - dưới 92,5%: 0,6</li> <li>- Đạt dưới 90%: 0</li> </ul>	<b>3</b>			
<b>6</b>	<b>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sáng kiến: 1</li> <li>- Không có sáng kiến: 0</li> </ul>	<b>1</b>			
<b>7</b>	<b>Sử dụng kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC và kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu, bình xét thi đua - khen thưởng theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo đúng quy định: 1</li> <li>- Không thực hiện: 0</li> </ul>	<b>1</b>			
<b>II</b>	<b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC</b>	<b>60</b>			
<b>1</b>	<b>Cải cách thể chế</b>	<b>4</b>			
<b>1.1</b>	<b>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện rà soát VBQPPL hàng năm và có báo cáo kết quả thực hiện: 0,5</li> <li>- Xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các VBQPPL không phù hợp qua rà soát: 0,5</li> </ul>	<b>1</b>			Trường hợp chính quyền địa phương cấp xã không ban hành VBQPPL do không được luật, nghị quyết của QH giao; Qua rà soát không có VBQPPL không phù hợp thì tiêu chí chấm điểm được giảm trừ
<b>1.2</b>	<b>Kiểm tra VBQPPL</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công tác tự kiểm tra VBQPPL và có báo cáo kết quả thực hiện: 0,5</li> <li>- Xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo quy định: 0,5</li> </ul>	<b>1</b>			Trường hợp cấp xã không ban hành VBQPPL do không được luật, nghị quyết của QH giao; Qua tự kiểm tra không phát hiện văn bản trái pháp luật thì tiêu chí chấm điểm được giảm trừ
<b>1.3</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>2</b>			
1.3.1	<b>Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100% kế hoạch: 1</li> <li>- Từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</li> </ul>	<b>1</b>			

	- Dưới 85% kế hoạch: 0 (Địa phương không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch sau 10 ngày kể từ ngày kế hoạch của UBND cấp huyện ban hành thì nội dung này 0 điểm)				
1.3.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật - Báo cáo đúng nội dung, đầy đủ thông tin, số liệu và đúng hạn: 0,5 - Không đảm bảo một trong các nội dung trên: 0	0,5			
1.3.3	Xử lý bất cập qua theo dõi thi hành pháp luật - Các vấn đề bất cập được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (không bao gồm các bất cập về biên chế, tập huấn): 0,5 - Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	0,5			
<b>2</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>	<b>17</b>			
<b>2.1</b>	<b>Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC</b> - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 - Còn vấn đề phát hiện qua rà soát chưa được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 (Cơ quan không có báo cáo kết quả rà soát TTHC hoặc báo cáo trễ hạn thì nội dung này 0 điểm)	<b>0,5</b>			
<b>2.2</b>	<b>Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC</b> - Đảm bảo yêu cầu tại Điều 14 và Phụ lục IV Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ: 0,5 - In thành các bộ tài liệu đặt tại bàn viết hồ sơ (gồm cả hồ sơ mẫu): 0,5	<b>1</b>			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
<b>2.3</b>	<b>Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP</b> - Có rà soát, đề xuất UBND huyện kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định (đợt xuất hoặc định kỳ): 0,5 - Không thực hiện: 0	<b>0,5</b>			
<b>2.4</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>6,5</b>			
2.4.1	100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa (trừ những thủ tục được UBND tỉnh cho phép chưa thực hiện)	0,5			
2.4.2	Thực hiện quy trình giải quyết TTHC đảm bảo đúng theo quy định hiện hành - Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ ban đầu bằng Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 0,25 - Yêu cầu bổ sung hồ sơ tối đa không quá 01 lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ: 0,25	2			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Thông báo bổ sung hồ sơ bằng Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 0,25</li> <li>- Có Thông báo từ chối giải quyết hồ sơ bằng Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: 0,5</li> <li>- Có Thông báo xin lỗi, hẹn lại thời gian trả kết quả bằng Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả đối với hồ sơ trễ hạn: 0,75</li> </ul>				
2.4.3	<p>Tạo lập cơ sở dữ liệu để quản lý, xử lý trên phần mềm một cửa điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo lập hồ sơ điện tử từ hồ sơ đầu vào do công dân nộp: 0,5</li> <li>- Cập nhật các văn bản, tài liệu phát sinh qua từng bước xử lý của quy trình, kết quả giải quyết TTHC: 0,5</li> </ul>	1			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
2.4.4	<p>Quá trình giải quyết hồ sơ được cập nhật lên phần mềm một cửa điện tử đồng bộ với quá trình giải quyết hồ sơ thực tế</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ: 1</li> <li>- Không đồng bộ: 0</li> </ul>	1			
2.4.5	<p>Số hóa kết quả giải quyết TTHC trong năm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%: 1</li> <li>- Từ 95% - dưới 100%: 0,75</li> <li>- Dưới 95%: 0</li> </ul>	1			
2.4.6	<p>Thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ yêu cầu chứng thực điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt từ 20% hồ sơ chứng thực điện tử trên tổng số hồ sơ chứng thực trở lên: 1</li> <li>- Đạt dưới 20% hồ sơ chứng thực điện tử thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>[(\text{Tỷ lệ \%} \times 0,75) / (20\%)]</math></li> </ul>	1			
<b>2.5</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>	<b>6,75</b>			
2.5.1	<p>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn</p> <p>a) Nếu tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trung bình của 01 nhân sự trực tại Bộ phận một cửa trong năm dưới 2.000 hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hồ sơ đúng hạn: 5</li> <li>- Từ 99,5% - dưới 100%: 4,5</li> <li>- Từ 99% - dưới 99,5%: 4</li> <li>- Từ 98,5% - dưới 99%: 3,5</li> <li>- Từ 98% - dưới 98,5%: 3</li> <li>- Từ 97,5% - dưới 98%: 2,5</li> <li>- Từ 97% - dưới 97,5%: 2</li> <li>- Từ 95% - dưới 97%: 1</li> <li>- Dưới 95%: 0</li> </ul> <p>b) Nếu tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trung bình của 01 nhân sự trực tại Bộ phận một cửa trong năm từ 2.000 hồ sơ trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hồ sơ đúng hạn: 5</li> </ul>	5			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 99% - dưới 100%: 4,5</li> <li>- Từ 98% - dưới 99%: 4</li> <li>- Từ 97% - dưới 98%: 3,5</li> </ul>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 96% - dưới 97%: 3</li> <li>- Từ 95% - dưới 96%: 2</li> <li>- Dưới 95%: 0</li> </ul>				
2.5.2	Đánh giá việc giải quyết TTHC theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP	1,75			
2.5.2.1	<p>Tổ chức thu thập ý kiến đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu đánh giá dành cho tổ chức, cá nhân được đặt tại bàn viết hồ sơ dành cho tổ chức, cá nhân, trên bàn làm việc của công chức, bàn tiếp đón và bàn trả kết quả: 0,25</li> <li>- Phiếu đánh giá được phát cho tổ chức, cá nhân kèm theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: 0,25</li> </ul>	0,5			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
2.5.2.2	<p>Kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ Tốt trở lên: 1</li> <li>- Khá: 0,5</li> <li>- Trung bình: 0,25</li> <li>- Yếu: 0</li> </ul>	1			
2.5.2.3	<p>Báo cáo kết quả đánh giá hàng quý và năm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định: 0,25</li> <li>- Thực hiện không đúng quy định: 0</li> </ul>	0,25			
<b>2.6</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính, TTHC</b>	<b>1,25</b>			
2.6.1	<p>Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC (theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP) tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử của địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầy đủ thông tin theo quy định: 0,25</li> <li>- Không đầy đủ thông tin theo quy định: 0</li> </ul>	0,25			
2.6.2	<p>Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý và đảm bảo thời gian theo yêu cầu: 0,75</li> <li>- 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng có phản ánh, kiến nghị xử lý chậm: 0,25</li> <li>- Có phản ánh, kiến nghị không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý: 0</li> </ul>	0,75			Trong năm không nhận được phản ánh, kiến nghị thì đạt điểm tối đa
2.6.3	<p>Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,25</li> </ul>	0,25			Trong năm không nhận được phản ánh, kiến nghị thì đạt điểm tối đa

	- Vẫn còn phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời nhưng chưa công khai theo quy định: 0			
2.7	<b>Thực hiện báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử</b> - Báo cáo định kỳ thông qua hệ thống báo cáo Chính phủ đúng thời gian và nội dung quy định: 0,5 - Báo cáo không đúng quy định: 0	0,5		
3	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>	3		
3.1	<b>Ban hành quyết định phân công nhiệm vụ của từng thành viên UBND và công chức, người hoạt động không chuyên trách</b>	1		
3.2	<b>Rà soát, điều chỉnh phân công kịp thời khi có sự thay đổi (trong vòng 05 ngày)</b>	1		
3.3	<b>Thực hiện quy chế làm việc</b> - Quy chế làm việc được cập nhật, hoàn thiện: 0,5 - Tổ chức thực hiện đúng quy định, hiệu quả: 0,5	1		Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
4	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>	14		
4.1	<b>Chuẩn hóa cán bộ, công chức cấp xã</b>	8		
4.1.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức - Đạt 100%: 3 - Đạt dưới 100%: 0	3		
4.1.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ - Đạt 100%: 3 - Đạt dưới 100%: 0	3		
4.1.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng trong năm theo thông báo triệu tập đi đào tạo, bồi dưỡng - Đạt 100%: 2 - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% đạt được} \times 1,5}{100\%} \right]$ - Dưới 80%: 0	2		
4.2	<b>Quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách theo quy định</b> - 100% đúng quy định: 2 - Còn trường hợp chưa đúng quy định, phải chấn chỉnh: 1 - Có trường hợp vi phạm nghiêm trọng, bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên: 0	2		
4.3	<b>Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công</b>	1		Điểm mục này là tổng



	<b>chức</b> - Có quy tắc ứng xử phù hợp: 0,5 - Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách chấp hành nghiêm quy tắc ứng xử: 0,5				điểm các tiêu chí thành phần
<b>4.4</b>	<b>Chấp hành kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ</b> - 100% cán bộ, công chức chấp hành nghiêm hoặc đơn vị chủ động phát hiện cán bộ, công chức có vi phạm và tiến hành xử lý kỷ luật theo quy định: 2 - Có trường hợp cán bộ, công chức vi phạm các quy định nhưng chưa tới mức xử lý kỷ luật: 1 - Có trường hợp cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hoặc có khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến cán bộ, công chức được thẩm tra, xác minh là có cơ sở: 0	<b>2</b>			
<b>4.5</b>	<b>Cập nhật kịp thời thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức</b> - 100% trường hợp thay đổi thông tin được cập nhật trong vòng 05 ngày: 1 - Có trường hợp thay đổi thông tin được cập nhật trong vòng từ 06 - 10 ngày: 0,5 - Có trường hợp thay đổi thông tin được cập nhật sau 10 ngày: 0	<b>1</b>			
<b>5</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>	<b>6</b>			
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm</b> - Tỷ lệ giải ngân đạt từ 90% - 100%: 2 - Dưới 90% theo kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN} \times 2}{90\%} \right]$	<b>2</b>			Các đơn vị không được giao chủ đầu tư thì mục này được giảm trừ
<b>5.2</b>	<b>Thực hiện tiết kiệm chi phí hành chính</b> - Từ 10% trở lên: 1 - Dưới 10%: 0,5	<b>1</b>			
<b>5.3</b>	<b>Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị</b> - Có ban hành chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: 0,5 - Thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ đúng quy định: 0,5	<b>1</b>			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
<b>5.4</b>	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b> - Có ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: 0,5 - Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định (trước 15/11 hàng năm): 0,5	<b>1</b>			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
<b>5.5</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương theo kế</b>	<b>1</b>			

	<b>hoạch được giao</b> - Vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên: 1 - Vượt chỉ tiêu từ 2% - dưới 4%: 0,5 - Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2%: 0,25 - Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0				
<b>6</b>	<b>Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số</b>	<b>16</b>			
<b>6.1</b>	<b>Triển khai văn bản điện tử</b>	<b>6</b>			
6.1.1	Số hóa, luân chuyển, xử lý văn bản đi/đến trên phần mềm E-Office - Tất cả văn bản đến được số hóa, luân chuyển, xử lý trên phần mềm E-Office: 1 - Tất cả văn bản đi được tham mưu, xét duyệt trên phần mềm E-Office: 1	2			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
6.1.2	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trên văn bản điện tử - 100% văn bản điện tử do cơ quan phát hành có đầy đủ chữ ký số cơ quan và chữ ký số của lãnh đạo cơ quan: 1 - Văn bản điện tử do cơ quan phát hành không có đầy đủ 02 chữ ký số (cơ quan và lãnh đạo): 0	1			
6.1.3	Tỷ lệ văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử qua phần mềm E-Office trên tổng số văn bản đi trong năm của cơ quan - Đạt 100%: 3 - Từ 90% - dưới 100%: 2 - Từ 80% - dưới 90%: 1 - Dưới 80%: 0	3			
<b>6.2</b>	<b>Sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh</b> - Sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để thực hiện gửi, nhận đầy đủ các báo cáo theo quy định: 1 - Chưa gửi, nhận đầy đủ các báo cáo theo quy định: 0,5 - Chưa sử dụng: 0	<b>1</b>			
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện TTHC trực tuyến</b>	<b>4</b>			
6.3.1	Tỷ lệ TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 có hồ sơ trực tuyến trong năm (trên tổng số TTHC được công bố trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ) - Từ 80% trở lên: 1 - Từ 60% - dưới 80%: 0,5 - Dưới 60%: 0	1			
6.3.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 được tiếp nhận, giải quyết thành công so với chỉ tiêu được UBND tỉnh giao - Đạt 100%: 3 - Dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:	3			

<b>Tỷ lệ % hoàn thành x 2</b>					
<b>100%</b>					
<b>6.4</b>	<b>Triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	<b>1</b>			
6.4.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI (trên tổng số TTHC công bố thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ trong năm)  - Từ 15% trở lên: 0,5 - Từ 7% - dưới 15%: 0,25 - Dưới 7%: 0	0,5			
6.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI (trên tổng số hồ sơ phát sinh trong năm của các TTHC đã công bố thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ BCCI)  - Từ 10% trở lên: 0,5 - Từ 5% - dưới 10%: 0,25 - Dưới 5%: 0	0,5			
<b>6.5</b>	<b>Ban hành kế hoạch số hóa kết quả TTHC và hoàn thành chỉ tiêu số hóa kết quả giải quyết TTHC theo đúng lộ trình đã được UBND cấp huyện ban hành</b>  - Hoàn thành đủ 2 nội dung: 1 - Không hoàn thành 1 trong 2 nội dung: 0	<b>1</b>			
<b>6.6</b>	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001</b>	<b>3</b>			
6.6.1	Thực hiện công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo <b>TCVN ISO 9001:2015</b> đối với tất cả các hoạt động liên quan đến giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân - Quyết định đảm bảo đầy đủ yêu cầu (có: Quyết định, Bản công bố, danh mục TTHC áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015) theo mẫu quy định tại Quyết định số <b>19/2014/QĐ-TTg</b> ; có công bố trên Trang thông tin điện tử của cơ quan: 0,5 - Không đáp ứng bất cứ yêu cầu nào nêu trên: 0	0,5			
6.6.2	Thực hiện áp dụng và duy trì tốt HTQLCL theo <b>TCVN ISO 9001:2015</b> vào hoạt động của cơ quan HCNN: a) Có chính sách chất lượng phù hợp: 0,25 b) Đánh giá thực hiện mục tiêu chất lượng năm trước (trước ngày 30/12 năm trước), ban hành mục tiêu chất lượng của năm nay (trước ngày 30/01 hàng năm): 0,25 c) Tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ trong năm (ít nhất 01 năm/lần, hoàn thành trước ngày 10/12 hàng năm): 0,5 d) Tiến hành xem xét của lãnh đạo năm nay (ít nhất 01 lần/năm, tổng hợp kết quả trước ngày 15/12 hàng năm): 0,25 đ) Tiến hành hoạt động đánh giá rủi ro trong năm: 0,25 e) Tiến hành đo lường sự hài lòng của khách hàng trong năm (trước ngày 15/12 hàng năm): 0,5 g) Thực hiện hành động cải tiến, khắc phục các điểm không phù hợp của HTQLCL theo <b>TCVN ISO 9001:2015</b> sau các lần đánh	2,5			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần

	giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo và cuộc kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra: 0,5				
<b>III</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>14</b>			
<b>1</b>	<b>Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước</b>	<b>13</b>			<b>ĐTXHH</b>
<b>1.1</b>	<b>Mức độ hài lòng về tiếp cận dịch vụ</b> - Đạt từ 85% trở lên: 2 - Đạt từ 83% - dưới 85%: 1,6 - Đạt từ 81% - dưới 83%: 1,2 - Đạt từ 79% - dưới 81%: 0,8 - Đạt từ 77% - dưới 79%: 0,4 - Đạt dưới 77%: 0	<b>2</b>			Mức độ hài lòng đạt được để đạt điểm tối đa của mỗi tiêu chí sẽ được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu đề ra tại Kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm
<b>1.2</b>	<b>Mức độ hài lòng về điều kiện tiếp đón và phục vụ</b> - Đạt từ 85% trở lên: 1,5 - Đạt từ 83% - dưới 85%: 1,2 - Đạt từ 81% - dưới 83%: 1,0 - Đạt từ 79% - dưới 81%: 0,8 - Đạt từ 77% - dưới 79%: 0,4 - Đạt dưới 77%: 0	<b>1,5</b>			
<b>1.3</b>	<b>Mức độ hài lòng về TTHC</b> - Đạt từ 85% trở lên: 1,5 - Đạt từ 83% - dưới 85%: 1,2 - Đạt từ 81% - dưới 83%: 1,0 - Đạt từ 79% - dưới 81%: 0,8 - Đạt từ 77% - dưới 79%: 0,4 - Đạt dưới 77%: 0	<b>1,5</b>			
<b>1.4</b>	<b>Mức độ hài lòng về kết quả, tiến độ giải quyết công việc, TTHC</b> - Đạt từ 85% trở lên: 3 - Đạt từ 83% - dưới 85%: 2,4 - Đạt từ 81% - dưới 83%: 1,8 - Đạt từ 79% - dưới 81%: 1,2 - Đạt từ 77% - dưới 79%: 0,6 - Đạt dưới 77%: 0	<b>3</b>			
<b>1.5</b>	<b>Mức độ hài lòng về sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức</b> - Đạt từ 85% trở lên: 3 - Đạt từ 83% - dưới 85%: 2,4 - Đạt từ 81% - dưới 83%: 1,8	<b>3</b>			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt từ 79% - dưới 81%: 1,2</li> <li>- Đạt từ 77% - dưới 79%: 0,6</li> <li>- Đạt dưới 77%: 0</li> </ul>				
<b>1.6</b>	<b>Mức độ hài lòng về tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt từ 85% trở lên: 2</li> <li>- Đạt từ 83% - dưới 85%: 1,6</li> <li>- Đạt từ 81% - dưới 83%: 1,2</li> <li>- Đạt từ 79% - dưới 81%: 0,8</li> <li>- Đạt từ 77% - dưới 79%: 0,4</li> <li>- Đạt dưới 77%: 0</li> </ul>	<b>2</b>			
<b>2</b>	<b>Xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ tại cơ quan, đơn vị mình, có báo cáo kết quả gửi UBND cấp huyện</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có giải pháp cụ thể, phân công trách nhiệm, tiến độ thực hiện: 0,5</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp đã đề ra, gửi UBND cấp huyện tổng hợp: 0,5</li> </ul>	<b>1</b>			Điểm mục này là tổng điểm các tiêu chí thành phần
<b>IV</b>	<b>ĐIỂM THUỞNG</b>	<b>5</b>			
1	Chủ động rà soát, kiến nghị cơ quan cấp trên chỉ đạo các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, giải quyết kịp thời các vấn đề, vướng mắc trên các ngành, lĩnh vực <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có từ 2 giải pháp trở lên: 1</li> <li>- Có 1 giải pháp: 0,5</li> </ul>	1			
2	Có trên 30% công việc được giao trên phần mềm nhắc việc được hoàn thành sớm hạn <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có công việc trễ hạn: 0,25</li> <li>- Không có công việc gia hạn: 0,25</li> </ul>	0,5			
3	Thực hiện áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng, áp dụng HTQLCL theo <b>TCVN ISO 9001:2015</b> (lưu trữ tài liệu, hồ sơ HTQLCL dưới dạng văn bản điện tử trên E-Office hay trên website hoặc có các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành HTQLCL)	0,5			
4	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định hiện hành	0,5			
5	Số TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số TTHC được công bố trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm đạt 100%	0,5			
6	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến được tiếp nhận, giải quyết thành công đạt từ 15% trở lên (trên tổng số hồ sơ phát sinh của TTHC được công bố thực hiện thanh toán trực tuyến)	0,5			
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt từ 25% trở lên	0,5			

8	Giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1			
<b>Điểm tổng cộng</b>		<b>90</b>			
<b>V</b>	<b>ĐIỂM TRỪ</b>				
1	Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định trễ hạn quy định tại Điều 5 Quy chế nhưng chưa quá 2 ngày (cứ mỗi ngày bị trừ 1 điểm)	2			
2	Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ CCHC theo quy định, chỉ đạo của cấp thẩm quyền	2			
3	Các TTHC được công bố trực tuyến đều không phát sinh hồ sơ trực tuyến	1			
4	Tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ trực tuyến của tổ chức, cá nhân quá tám giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thành công	1			
5	Phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông không đảm bảo thời hạn quy định	2			
6	Phối hợp trả lời phản ánh, vướng mắc, kiến nghị của tổ chức, cá nhân thông qua các đường dây nóng, kênh tiếp nhận chậm so với thời hạn quy định	1			
7	Có đơn thư hoặc thông tin phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về kết quả giải quyết công việc, TTHC, thái độ, hành vi gây phiền hà, nặng nề, chậm trễ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý và xác nhận là phản ánh đó đúng hoặc đúng một phần	2			
8	Còn có trường hợp gửi văn bản giấy đối với văn bản thuộc danh mục văn bản trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử do UBND tỉnh quy định	1			
9	Điểm trừ khác do Hội đồng thẩm định quyết định	2			

**B. TỔNG SỐ ĐIỂM:**.....